

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số 56/BC-KTNS ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm các tài sản công thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này), gồm:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Ô tô và phương tiện vận tải khác;
- c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán từ 15 tỷ đồng trở lên của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác (trừ trường hợp quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều này):

- a) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có đơn vị trực thuộc:
 - Có giá trị từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.

- Có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán từ 300 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- b) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh không có đơn vị trực thuộc:

- Có giá trị từ 300 triệu đồng dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng tại đơn vị mình, đồng gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.

- Có giá trị dưới 300 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán dưới 01 tỷ đồng tại đơn vị mình.

3. Thủ trưởng tại các đơn vị dự toán trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác:

Có giá trị dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán dưới 300 triệu đồng tại đơn vị mình, đồng gửi báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để theo dõi.

4. Trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác:

a) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện có đơn vị trực thuộc:

- Có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán từ 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Phòng Tài chính - Kế hoạch để theo dõi.

- Có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện không có đơn vị trực thuộc:

- Có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán từ 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng tại đơn vị mình, đồng gửi báo cáo cho Phòng Tài chính - Kế hoạch để theo dõi.

- Có giá trị dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán dưới 200 triệu đồng tại đơn vị mình.

6. Thủ trưởng tại các đơn vị dự toán trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác:

Có giá trị dưới 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán dưới 100 triệu đồng tại đơn vị mình, đồng gửi báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để theo dõi.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã) quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác:

a) Có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán từ 200 triệu đến dưới 01 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Phòng Tài chính - Kế hoạch để theo dõi.

b) Có giá trị dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có dự toán dưới 200 triệu đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

8. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm a, b, và c khoản 1 Điều này) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

9. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

10. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

11. Việc mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

12. Giá trị 01 đơn vị tài sản là đơn giá/01 đơn vị tài sản; gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ là kinh phí mua sắm được cấp có thẩm quyền giao trong dự toán hàng năm, kinh phí bổ sung (nếu có) hoặc nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật để mua sắm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và chế độ do Nhà nước quy định.

13. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị lập kế hoạch mua sắm tài sản công theo thời gian lập dự toán ngân sách, gửi cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, tổng hợp. Nghiêm cấm việc chia lẻ giá trị mua sắm tài sản công để thực hiện việc mua sắm theo các hình thức không thuộc thẩm quyền hoặc cố tình quyết định mua sắm tài sản không đảm bảo theo phân cấp của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều này.

14. Đối với việc mua sắm vật tư, công cụ, dụng cụ bảo đảm hoạt động thường xuyên (trừ các vật tư, công cụ, dụng cụ đã có văn bản của Nhà nước quy định khác hoặc hướng dẫn riêng) của cơ quan, tổ chức, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc mua sắm theo Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và các quy định hiện hành.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi tiết thứ 1 điểm a khoản 3 Điều 6 như sau:

“- Tru sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.”

b) Sửa đổi tiết thứ 1 điểm b khoản 3 Điều 6 như sau:

“- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị mình, đồng gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.”

c) Sửa đổi tiết thứ 1 điểm a khoản 6 Điều 6 như sau:

“- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Phòng Tài chính - Kế hoạch để theo dõi.”

d) Sửa đổi điểm a khoản 8 Điều 6 như sau:

“a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán từ 20 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Phòng Tài chính - Kế hoạch để theo dõi.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 7 như sau:

“a) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng, đồng thời gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.”

b) Sửa đổi khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê máy móc, thiết bị và các tài sản khác phục vụ hoạt động cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) dưới 100 triệu đồng, đồng thời gửi báo cáo cho Phòng Tài chính - Kế hoạch để theo dõi.”

4. Sửa đổi khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc, đồng thời gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 11 như sau:

“a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất (trừ

các trường hợp quy định tại: Tiết thứ 1 điểm a và tiết thứ 1 điểm b của khoản 2, điểm a khoản 4 Điều này).”

b) Sửa đổi tiết thứ 2 điểm a khoản 2 Điều 11 như sau:

“- Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.”

c) Sửa đổi tiết thứ 2 điểm b khoản 2 Điều 11 như sau:

“- Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.”

d) Sửa đổi khoản 5 Điều 11 như sau:

“5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công:

a) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Phòng Tài chính - Kế hoạch để theo dõi.

b) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng /01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý.”

6. Sửa đổi khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công, gồm:

a) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.

b) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.”

7. Sửa đổi khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, gồm:

a) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.

b) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh uỷ (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- VKSND, TAND tỉnh, Sở Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo Bình Định;
- Lưu: VT, hồ sơ kỷ hợp. *th*



CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng